**MẪU THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

***(Dùng để kiểm chứng trước khi công bố Bảng xếp hạng VNR500 năm 2024)***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1. **THÔNG TIN TỔNG QUAN** | | |
| Tên Doanh nghiệp |  | |
| Tên tiếng Anh |  | |
| Mã số thuế |  | |
| Trụ sở chính |  | |
| Tel / Fax |  | |
| Email / Website |  | |
| Tình trạng niêm yết | |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | HNX | HOSE | Chưa niêm yết | Mã chứng khoán: | | |
| Năm thành lập |  | |
| Vốn điều lệ |  | |
| Sở hữu vốn | |  |  |  | | --- | --- | --- | | 100% Vốn nhà nước | Vốn nhà nước > 50% | Vốn nhà nước ≤ 50% | | 100% Vốn tư nhân | Doanh nghiệp liên doanh | 100% Vốn nước ngoài | | |
| Ngành SXKD chính |  | |
| Tổng Giám đốc |  | |
| Điện thoại |  | |
| Đại diện liên lạc / Chức danh |  | |
| Email / Điện thoại |  | |
| 1. **CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NĂM 2023 VÀ 2024 (ĐƠN VỊ: TRIỆU ĐỒNG)** | | |
|  | **Năm 2023** | **9 tháng năm 2024** |
| Tổng tài sản |  |  |
| Vốn chủ sở hữu |  |  |
| Tổng Doanh thu |  |  |
| Lợi nhuận trước thuế |  |  |
| Lợi nhuận sau thuế |  |  |
| Tổng lao động |  |  |

**Ghi chú: 1.** *Đề nghị Quý Doanh nghiệp gửi bảng Mẫu Thông tin doanh nghiệp cho BTC qua email, fax hoặc bưu điện* **trước ngày 16/10/2024.** *Các tài liệu kèm theo nếu có (Báo cáo Tài chính kiểm toán, Báo cáo quyết toán thuế…) của Doanh nghiệp là các Bản sao có xác nhận của Doanh nghiệp. Doanh nghiệp cam kết và chịu trách nhiệm về tính khách quan và xác thực của các thông tin cung cấp cùng các tài liệu, tư liệu kèm theo.*

**2.** *Quý Doanh nghiệp hoạt động theo hình thức công ty mẹ - công ty con, tập đoàn vui lòng sử dụng số liệu của* ***Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán****.*

|  |  |
| --- | --- |
| Quý Doanh nghiệp vui lòng quét mã QR  dưới đây để tải bản mềm (nếu cần): | **ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP**  **(Ký tên và đóng dấu)** |

**PHIẾU HỎI DOANH NGHIỆP**

*(Khảo sát thông tin về tình hình kinh tế, thực trạng sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp trong năm 2024)*

Vietnam Report cam kết phiếu hỏi chỉ phục vụ mục đích nghiên cứu, không công bố những thông tin doanh nghiệp cung cấp theo đúng quy chế bảo mật thông tin.

*Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Doanh nghiệp!*

|  |
| --- |
| PHẦN I. TÌNH HÌNH KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP |

1. **Tổng quát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Quý Doanh nghiệp trong 9 tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm trước? (*Vui lòng đánh dấu X với 1 trong 5 phương án*)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Giảm đi đáng kể** | **Giảm đi** | **Cơ bản ổn định** | **Tăng lên** | **Tăng lên đáng kể** |
| Doanh thu |  |  |  |  |  |
| Lợi nhuận |  |  |  |  |  |
| Tổng chi phí |  |  |  |  |  |
| Số lượng nhân viên |  |  |  |  |  |
| Số lượng đơn hàng |  |  |  |  |  |

1. **Tăng trưởng doanh thu của Quý Doanh nghiệp hiện nay chủ yếu đến từ ngành kinh doanh nào? (*Vui lòng đánh dấu X với 1 trong 4 phương án*)**

Ngành kinh doanh cốt lõi

Ngành kinh doanh thứ cấp

Ngành kinh doanh mới được mở rộng trong năm 2024

Khác (Vui lòng cho biết: )

1. **Quý Doanh nghiệp cho biết tình hình chi phí hiện nay thay đổi như thế nào so với năm 2023? *(Vui lòng đánh dấu X với 1 trong 5 phương án)***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Giảm đi đáng kể** | **Giảm đi** | **Cơ bản ổn định** | **Tăng lên** | **Tăng lên đáng kể** |
| Chi phí tài chính |  |  |  |  |  |
| Chi phí lao động |  |  |  |  |  |
| Chi phí nguyên vật liệu |  |  |  |  |  |
| Chi phí bán hàng, marketing |  |  |  |  |  |
| Chi phí đầu tư chuyển đổi công nghệ |  |  |  |  |  |
| Chi phí đầu tư phát triển bền vững |  |  |  |  |  |

1. **Top 5 khó khăn dưới đây tác động như thế nào tới tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Quý Doanh nghiệp trong năm 2024?**

Bất ổn kinh tế - chính trị trên thế giới

Kinh tế thế giới tăng trưởng chậm

Sức ép từ tỷ giá gia tăng

Tác động của biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh

Giá cả nguyên vật liệu đầu vào tăng và sự biến động của thị trường năng lượng

Rủi ro an ninh mạng

Các vấn đề liên quan đến chuỗi cung ứng, logistics, phân phối

Lạm phát ở mức cao

Lao động không đáp ứng được về số lượng/chất lượng

Khó khăn trong tiếp cận nguồn vốn

Rào cản pháp lý và thủ tục hành chính

Cạnh tranh giữa các doanh nghiệp cùng ngành

Cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng được nhu cầu và chưa đồng bộ

Sức ép giảm lượng phát thải và vướng mắc khi tiếp cận lộ trình net-zero

Khác (vui lòng cho biết): ...........................................................................................................................................

1. **Quý Doanh nghiệp đánh giá mức độ ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, thiên tai tới tình hình sản xuất kinh doanh trong năm qua?**

**Thiệt hại về cơ sở vật chất**

Nhẹ – Cơ sở vật chất bị hư hỏng nhỏ, có thể sửa chữa ngay mà không ảnh hưởng lớn đến hoạt động SXKD

Trung bình – Cơ sở vật chất bị hư hỏng vừa phải, cần thời gian khắc phục, hoạt động SXKD gián đoạn ngắn

Nghiêm trọng – Cơ sở vật chất bị hư hỏng lớn, cần nhiều thời gian khắc phục, hoạt động SXKD gián đoạn đáng kể

Hoàn toàn – Cơ sở vật chất bị hư hỏng hoàn toàn, phải xây dựng lại từ đầu, hoạt động SXKD dừng trong thời gian dài

**Thiệt hại về nhân sự**

Nhẹ – Một số ít nhân sự bị ảnh hưởng, hoạt động SXKD bình thường

Trung bình – Một số ít nhân sự không thể làm việc, hoạt động SXKD gián đoạn nhẹ

Nghiêm trọng – Nhiều nhân sự không thể làm việc, hoạt động SXKD gián đoạn, doanh nghiệp phải tuyển dụng bổ sung

Hoàn toàn – Phần lớn nhân sự không thể làm việc, hoạt động SXKD tê liệt hoàn toàn

**Thiệt hại về chuỗi cung ứng**

Nhẹ – Không ảnh hưởng tới hoạt động SXKD

Trung bình – Gây ảnh hưởng nhất định đến hoạt động SXKD, không cần thay đổi chuỗi cung ứng

Nghiêm trọng – Gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động SXKD, cần tìm nguồn cung thay thế

Hoàn toàn – Không thể tiếp tục hoạt động SXKD, không thể tìm nguồn cung thay thế

**Thiệt hại về tài chính**

Nhẹ – Chi phí khắc phục thấp, không ảnh hưởng đến tình hình tài chính

Trung bình – Thiệt hại tương đối, có thể tự huy động vốn thể khắc phục, không ảnh hưởng tới tình hình tài chính dài hạn

Nghiêm trọng – Thiệt hại nặng nề, không thể huy động vốn, cần tìm kiếm sự hỗ trợ để khắc phục hậu quả

Hoàn toàn – Thiệt hại hoàn toàn, doanh nghiệp rơi vào tình trạng phá sản

**Thiệt hại về danh tiếng**

Nhẹ – Khách hàng và đối tác vẫn duy trì niềm tin vào doanh nghiệp

Trung bình – Danh tiếng của doanh nghiệp bị ảnh hưởng, cần thời gian ngắn để khắc phục

Nghiêm trọng – Danh tiếng của doanh nghiệp bị ảnh hưởng nghiêm trọng, cần thời gian dài để khắc phục

Hoàn toàn – Khách hàng và đối tác mất hoàn toàn niềm tin vào doanh nghiệp

|  |
| --- |
| **PHẦN II. TRIỂN VỌNG KINH DOANH VÀ ĐỀ XUẤT CHÍNH SÁCH** |

1. **Quý Doanh nghiệp đánh giá thế nào về triển vọng kinh tế trong năm 2024 và năm 2025?**

| **Tốc độ tăng trưởng** | **Năm 2024** | **Năm 2025** |
| --- | --- | --- |
| Tăng trưởng dưới 4,5% |  |  |
| Tăng trưởng từ trên 4,5% - 5% |  |  |
| Tăng trưởng từ trên 5% - 5,5% |  |  |
| Tăng trưởng từ trên 5,5% - 6,0% |  |  |
| Tăng trưởng từ trên 6,0% - 6,5% |  |  |
| Tăng trưởng trên 6,5% |  |  |

1. **Theo đánh giá của Quý Doanh nghiệp, ngành nào có tiềm năng tăng trưởng lớn nhất trong 1-2 năm tới tới? (*Vui lòng chọn tối đa 3 phương án)***

Bất động sản/Xây dựng/ Vật liệu xây dựng  Tài chính/Ngân hàng

Bảo hiểm  Điện/Năng lượng

Bán lẻ  Vận tải/Logistics

Thực phẩm/Đồ uống  Dược phẩm/Y tế

Du lịch/Giải trí  Nông, lâm nghiệp và thủy sản

Công nghệ thông tin/Viễn thông  Hóa chất

Công nghiệp/Chế tạo  Dệt may/Da giày

Khác (vui lòng cho biết):.....................................................................................................................................

1. **Quý Doanh nghiệp dự kiến kết quả kinh doanh vào năm 2025 sẽ như thế nào so với năm 2024?**

***(Vui lòng đánh dấu X với 1 trong 5 phương án)***

| **Chỉ tiêu** | **Giảm đi đáng kể** | **Giảm đi** | **Cơ bản ổn định** | **Tăng lên** | **Tăng lên đáng kể** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Doanh thu |  |  |  |  |  |
| Tổng chi phí |  |  |  |  |  |
| Lợi nhuận |  |  |  |  |  |

1. **Quý Doanh nghiệp dự kiến áp dụng những chiến lược nào dưới đây để duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm tiếp theo? (*Vui lòng chọn tối đa 5 phương án)***

Cải thiện cơ cấu chi phí

Tăng cường hoạt động quản trị rủi ro

Cải thiện cơ sở vật chất, nâng cao chống chịu trước thiên tai

Đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Mở rộng thị trường trong và ngoài nước

Theo đuổi chiến lược M&A

Đẩy mạnh thực hành ESG, phát triển bền vững

Thúc đẩy R&D và đề cao sở hữu trí tuệ trong sản phẩm, dịch vụ

Nâng cao hình ảnh doanh nghiệp, đẩy mạnh marketing

Khác (Vui lòng cho biết:…………………………………………………………………………………………………………………………………)

1. **Theo Quý Doanh nghiệp, những vấn đề chính sách nào dưới đây Chính phủ nên thực hiện để hỗ trợ doanh nghiệp trong thời gian tới? (*Vui lòng chọn tối đa 5 phương án*)**

Tiếp tục hỗ trợ miễn, giảm các loại thuế, phí hoặc gia hạn nộp thuế cho doanh nghiệp

Ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát

Tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại

Đẩy mạnh tốc độ giải ngân và gia hạn các gói hỗ trợ lãi suất, tín dụng ưu đãi

Cải thiện cơ sở hạ tầng, đặc biệt là cơ sở hạ tầng logistics

Rà soát cắt giảm các thủ tục hành chính, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh

Đẩy mạnh công nghệ thông tin, tiến đến giải quyết thủ tục hành chính hoàn toàn trên không gian mạng

Nâng cao hiệu quả các chương trình hỗ trợ người lao động

Xử lý các vướng mắc liên quan đến quy tắc xuất xứ để tận dụng ưu đãi thuế quan FTA

Hoàn thiện hệ thống hành lang pháp lý, minh bạch hóa thông tin

Hoàn thiện hệ thống pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ

Khác (Vui lòng cho biết: ………………………………………………………………………………………………………………………)

|  |
| --- |
| **PHẦN III. TÀI SẢN TRÍ TUỆ CỦA DOANH NGHIỆP** |

1. **Quý Doanh nghiệp đánh giá mức độ quan trọng của sở hữu trí tuệ tới hoạt động sản xuất kinh doanh?**

|  | **Không quan trọng** | **Tương đối quan trọng** | **Rất quan trọng** |
| --- | --- | --- | --- |
| Bằng sáng chế |  |  |  |
| Nhãn hiệu |  |  |  |
| Kiểu dáng công nghiệp |  |  |  |
| Quyền tác giả |  |  |  |
| Bí mật kinh doanh |  |  |  |

1. **Mức độ đầu tư của Quý Doanh nghiệp vào tài sản trí tuệ trong 2024 và năm 2025?**

|  | **Không đầu tư** | **Đầu tư ít** | **Đầu tư vừa phải** | **Đầu tư lớn** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm 2024 |  |  |  |  |
| Năm 2025 |  |  |  |  |

|  |
| --- |
| **PHẦN IV. ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH THỰC THI ESG** |

1. **Đâu là mô tả đúng nhất về tình hình cam kết ESG hiện tại của Quý doanh nghiệp?**

Không đặt ra cam kết ESG/ chưa có kế hoạch cụ thể

Đang ở giai đoạn lập kế hoạch

Đã lập kế hoạch và triển khai một phần cam kết ESG

Đã lập kế hoạch và triển khai toàn diện cam kết ESG

1. **Nếu Quý Doanh nghiệp đang và đã triển khai kế hoạch thực hiện cam kết ESG, đâu là yếu tố được ưu tiên trong chiến lược phát triển bền vững? *(Vui lòng đánh số xếp hạng từ 1-3 với thứ tự 1 là mức độ ưu tiên cao nhất)***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Môi trường**  **(Environment)** | **Xã hội**  **(Social)** | **Quản trị**  **(Governance)** |
| **Mức độ ưu tiên** |  |  |  |

|  |
| --- |
| **THÔNG TIN NHẬN BÁO CÁO** |

**Quý Doanh nghiệp vui lòng cung cấp địa chỉ để nhận Báo cáo Sách trắng Kinh tế Việt Nam 2025:**

Tên người nhận: ……………………………………………………………………………................................................................................

Bộ phận làm việc: ……………………………………………………………………………...............................................................................

Địa chỉ nhận báo cáo: ………………………………………………………………………………......................................................................

Điện thoại: ……………………………………………………….... Email: ……………................................................................................

*Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Doanh nghiệp!*